

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình

Bà Trần Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 563/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1987; (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: số nhà 17, ngách 29, ngõ 296, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Việt A**, sinh năm 1987; (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: số 35, ngõ 55, tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh

Nguyễn Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Trì, trước đó chị và anh A đã chung sống với nhau, có tổ chức cưới vào ngày 07/8/2014 và có 01 con chung là Nguyễn Khôi N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh A tại ngõ 55, tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh A không có trách nhiệm với gia đình và con chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, từ tháng 02/2019 đến nay chị và các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

- Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 (cháu Nguyễn Khôi N đã được thay đổi họ từ họ Phạm thành họ Nguyễn theo Trích lục thay đổi hộ tịch số 09/TLTĐHT ngày 12/10/2017 của UBND phường Lĩnh Nam) và Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017. Hai cháu hiện đang ở cùng chị và đang học tại trường Mầm non Chích Bông.

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì từ trước đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, anh A không có trách nhiệm gì với các con, anh A cũng không có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa các cháu còn nhỏ nên cũng rất cần chị chăm sóc. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Còn trường hợp nếu anh A có nguyện vọng nuôi con thì chị đề nghị giao cháu Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017 cho chị nuôi dưỡng, còn để anh A nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015.

Hiện tại chị là kiểm soát viên của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam, mức lương trung bình hàng tháng là 14.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Việt A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để đương sự được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh A không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với các yêu cầu của chị N, không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi tài liệu, chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

* Theo Biên bản xác minh ngày 01/10/2019, tổ trưởng tổ dân phố số 14 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai cung cấp cho Tòa án: Anh A và chị N kết hôn và về chung sống tại số 6, ngõ 55, phố T, phường T, quận H, Hà Nội là gia đình anh A từ năm 2014. Quá trình chung sống, từ cuối năm 2017 thì vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, có cãi nhau và tổ dân phố cũng nhiều lần đến khuyên giải nhưng không có kết quả, chị N mang con về nhà ngoại, không sống cùng anh A từ tháng 2/2019 đến nay. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N và anh A có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 và Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017, nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: mâu thuẫn giữa chị và anh Nguyễn Việt A đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh A. Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 (cháu Nguyễn Khôi N đã được thay đổi họ từ họ Phạm thành họ Nguyễn theo Trích lục thay đổi hộ tịch số 09/TLTĐHT ngày 12/10/2017 của UBND phường Lĩnh Nam) và Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017. Hiện cả 2 con chung của chị và anh A đều đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: chị xác nhận chị và anh A không có tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Việt A vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị N.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh

A. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 và cháu Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh A cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện đề ngày 13/2/2019 về việc xin ly hôn anh Nguyễn Việt A. Anh Nguyễn Việt A cư trú tại: số 35, ngõ 55, tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Việt A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Xét tại phiên tòa hôm nay, anh A đã được tổng đạt phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại gia đình anh A tại ngõ 55, tổ 14, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Theo chị N trình bày, trước khi đăng ký kết hôn chị và anh A đã chung sống với nhau, có tổ chức cưới ngày 07/8/2014 và có 01 con chung là Nguyễn Khôi N. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh A không có trách nhiệm với gia đình và con chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, từ tháng 02/2019 đến nay chị và các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Xét thấy, chị N và anh A đã không còn chung sống từ tháng 02/2019, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh A không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, thể hiện anh A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh A.

[3] Về con chung: Chị N và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 (cháu Nguyễn Khôi N đã được thay đổi họ từ họ Phạm thành họ Nguyễn theo Trích lục thay đổi hộ tịch số 09/TLTĐHT ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân phường Linh Nam) và cháu Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017. Cả 02 cháu đang ở với chị N.

Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét điều kiện tốt nhất về mọi mặt nhằm đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý cho các con.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay cháu Khôi N và cháu Nguyên K đều rất nhỏ, cháu Khôi N mới hơn 4 tuổi, cháu Nguyên K mới 2 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, từ khi anh chị ly thân đến nay thì cháu Khôi N và cháu Nguyên K vẫn đang ở ổn định với chị N, do vậy không nên xáo trộn cuộc sống ổn định của hai cháu. Ngoài ra, chị N có thu nhập ổn định, chị lại được sự hỗ trợ của mẹ để về chỗ ở. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N là chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận, Tòa án giao 02 con chung là cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 và cháu Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do chị N không yêu cầu và anh A không có ý kiến, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh A cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Chị N xác nhận chị và anh A không có tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh A không có lời khai về phần này. Do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho anh A bằng một vụ án khác nếu anh A có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Nguyễn Việt A.

Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Việt A.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Việt A có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 và Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017.

Giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 19/2/2015 và cháu Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 29/11/2017 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 11/2019 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Việt A cho đến khi chị Phạm Thị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Việt A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Chị Phạm Thị N xác nhận chị và anh Nguyễn Việt A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Việt A không có lời khai; do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Việt A bằng một vụ án khác nếu anh A có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0004315 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Việt A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội (GCNKH số --/2017 ngày 18/9/2017);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh